TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14/07/2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hùng và bà Cao Thị Chuyên

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Vũ Thái Hà -Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 198x

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 197x

Cùng địa chỉ: Tổ 0x (tổ 0x cũ), phường H, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Chị H và anh T đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-05-2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Phạm Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 13-11-2006, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, anh T thường xuyên uống rượu bia và đánh đập chị H, không tu chí làm ăn, không phụ giúp chị kinh tế để nuôi con, mâu thuẫn đã được hai vợ chồng và hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng vẫn chung sống cùng nhà

nhưng không còn quan tâm đến nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về nuôi con: Chị H và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Thị Huệ C, sinh ngày 28-07-200x, ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi. Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản, nợ chung: Chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh - Nguyễn Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác nhận về ngày, tháng, năm, địa điểm đăng ký kết hôn như lời chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh và chị H chung sống hạnh phúc, đôi khi vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nhưng anh đã cố gắng khắc phục, sửa chữa để gìn giữ hạnh phúc gia đình. Anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên không nhất trí ly hôn mà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

- Về nuôi con: Anh T xác nhận giữa anh và chị H có 01 con chung là Nguyễn Thị Huệ C, sinh ngày 28-07-200x. Nguyện vọng của anh T là được nuôi dưỡng cháu C, nhưng cháu C lại muốn được ở cùng với chị H nên anh nhất trí để cháu C được ở với mẹ. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các quyền, nghĩa vụ của đương sự đã được bảo đảm.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Thị Huệ C - sinh ngày 28-07-200x cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí, buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Bị đơn - anh Nguyễn Văn Thuỷ có hộ khẩu thường trú tại tổ 03, phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật TTDS 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13-11-2006 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc … Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các đương sự, anh T mong muốn được đoàn tụ nhưng chị H kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, nên Tòa án hòa giải không thành. Từ đó, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

[3] *Về nuôi con*: Xét thấy cháu Nguyễn Thị Huệ C có nguyện vọng được ở cùng với chị H, mặt khác chị H và anh T đều thống nhất để chị H là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C. Do đó, để đảm bảo quyền, lợi ích và sự ổn định cuộc sống của cháu C, cần giao cháu C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và phù hợp quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] *Về chia tài sản, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Thị Huệ C, sinh ngày 28-07-200x cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000250 ngày 17/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (02);
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Chi cục THADS thành phố Yên Bái;
- UBND xã B, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:[6]

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà)……..

Thẩm phán: Ông (Bà) .....

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà)……..……[7]

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân[8]***..... tham gia phiên toà:***

Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....[9] tại .....

xét xử sơ thẩm công khai[10] vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....[11] ngày..... tháng..... năm..... về tranh chấp.....[12]

theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST ngày..... tháng..... năm..... giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:[13].....

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:[14] .....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:[15].....

2. Bị đơn:[16] .....

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:[17].....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:[18] .....

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):[19].....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[20] ....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[21] .....

4. Người làm chứng[22] .....

5. Người giám định:[23].....

6. Người phiên dịch:[24] .....

NỘI DUNG VỤ ÁN: [25]

.....

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:[26]

[1].....

[2].....

[3].....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào……[27] .....

[28]. .....

..... [29]
